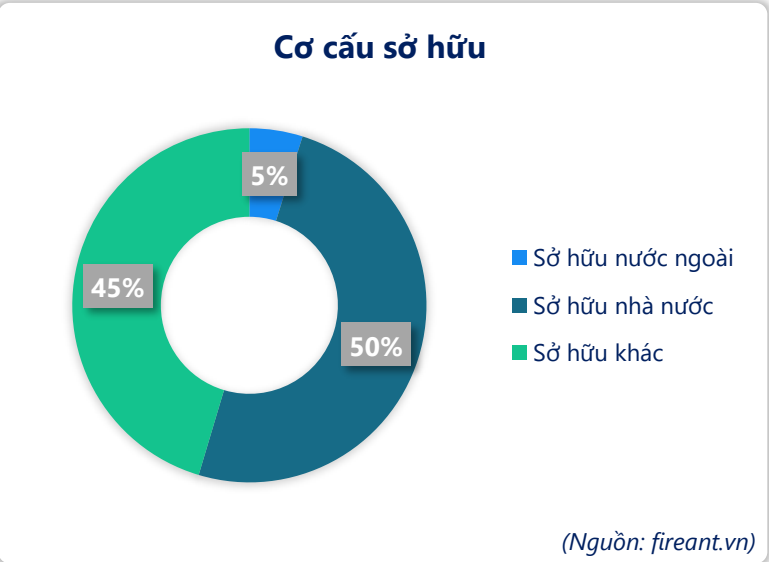
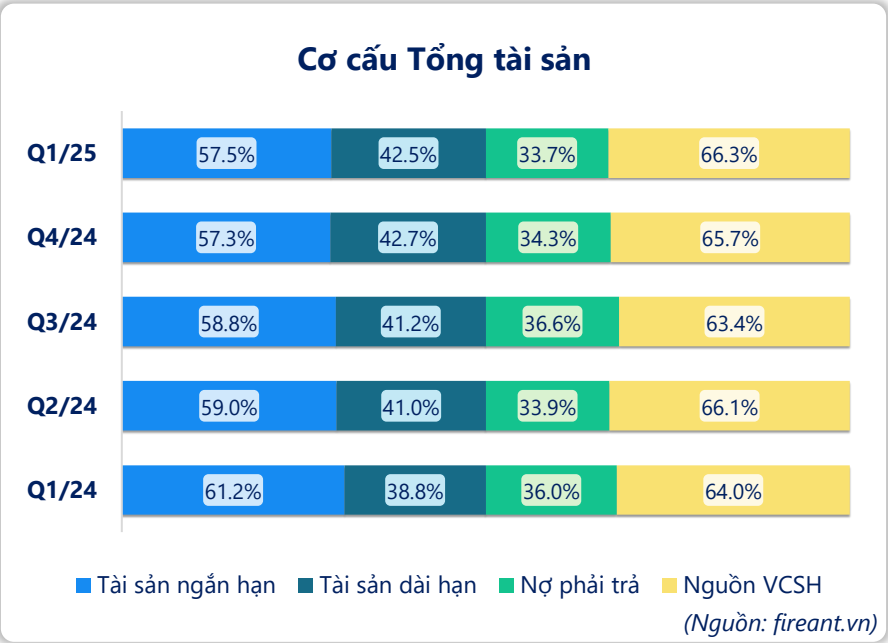
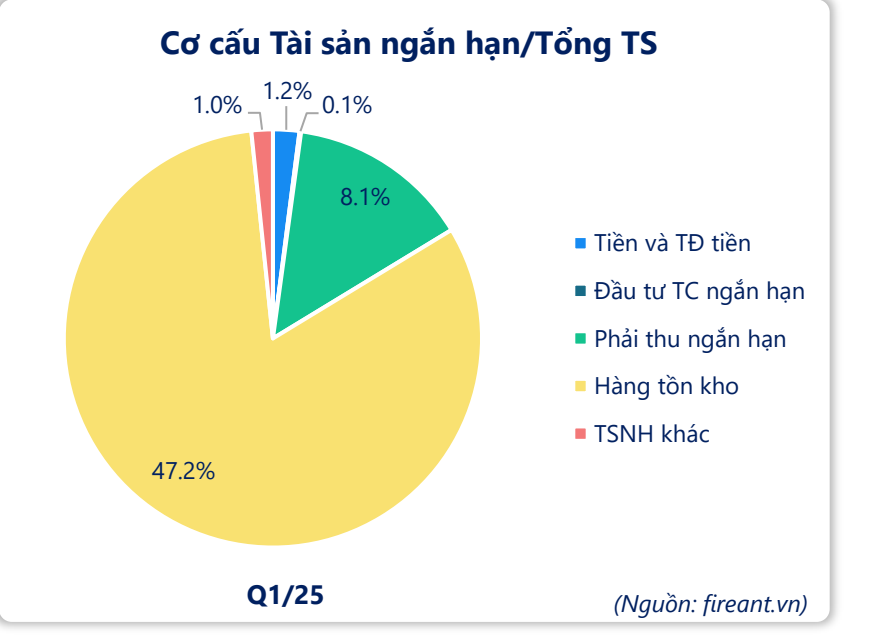
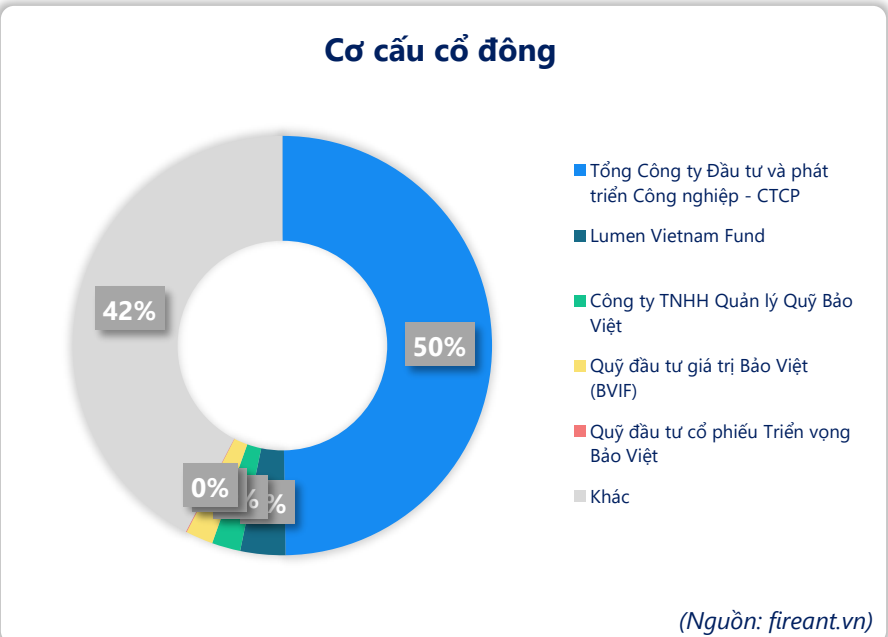
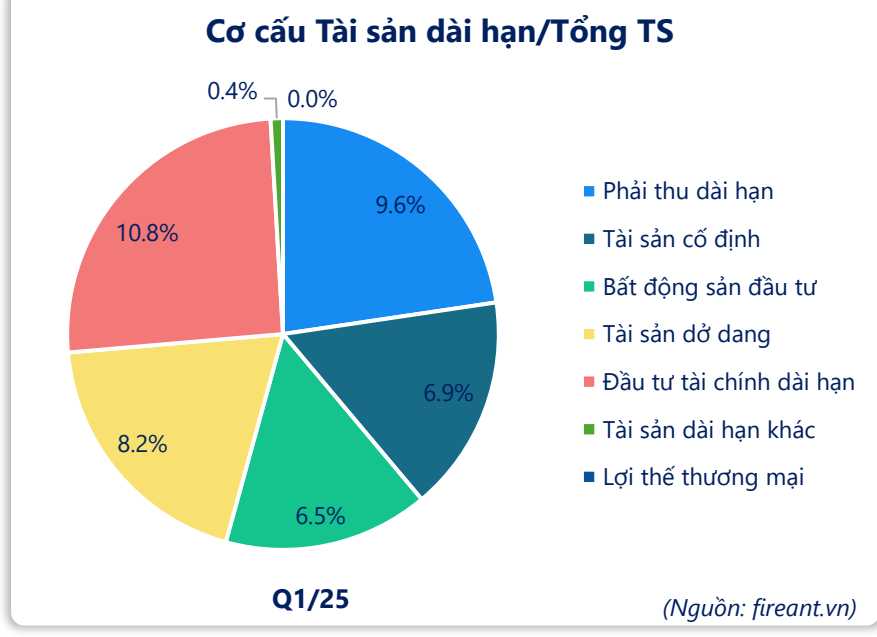
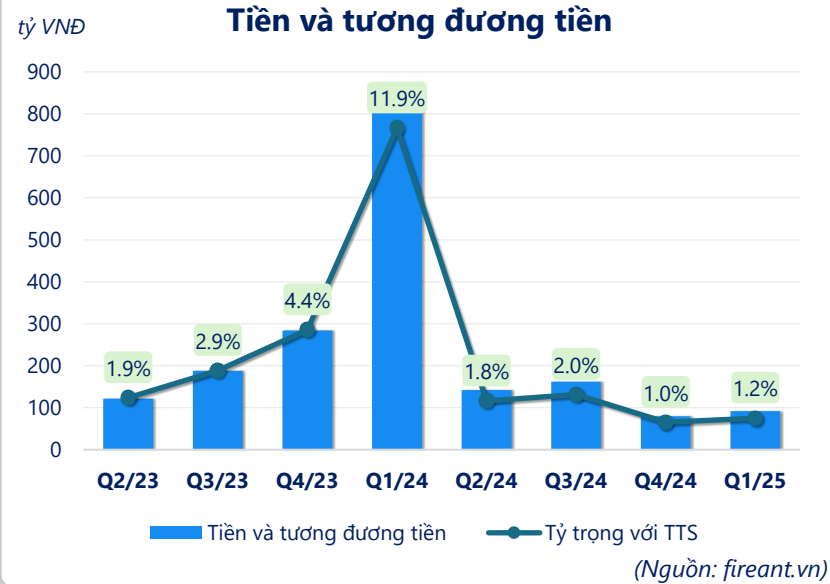
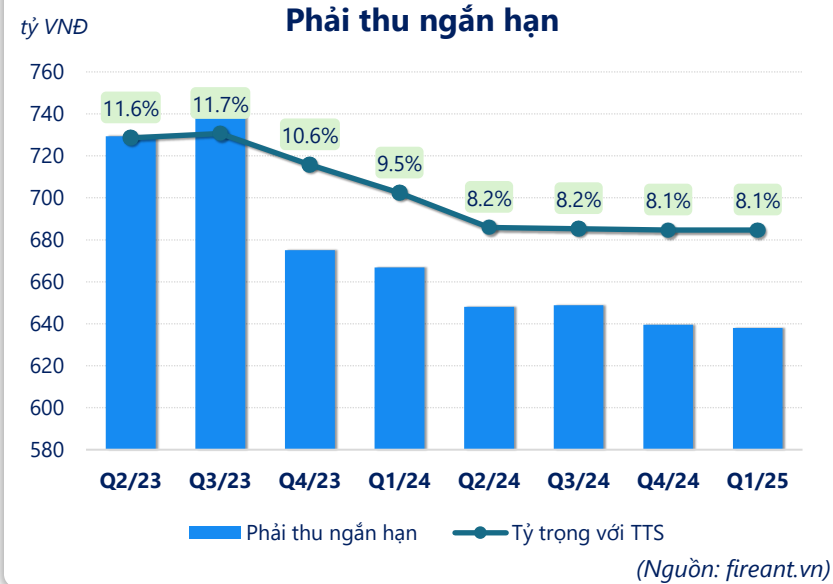
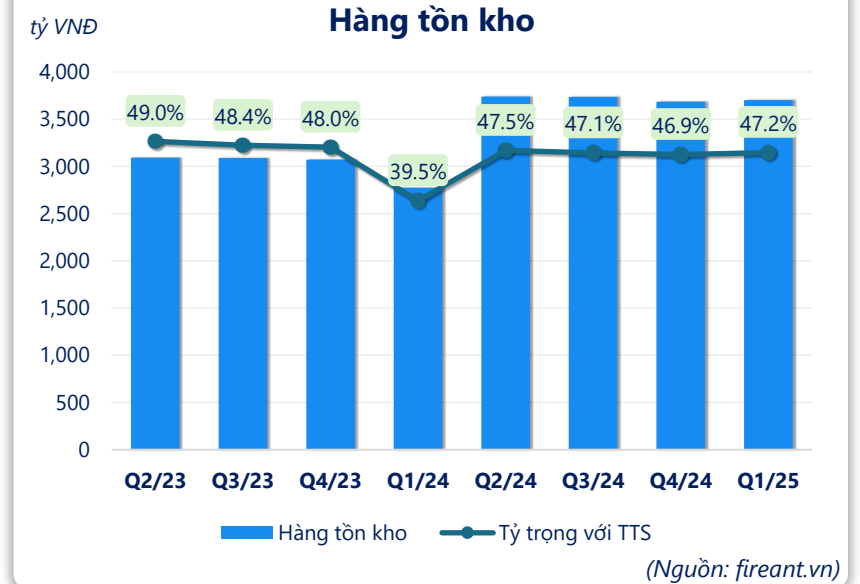
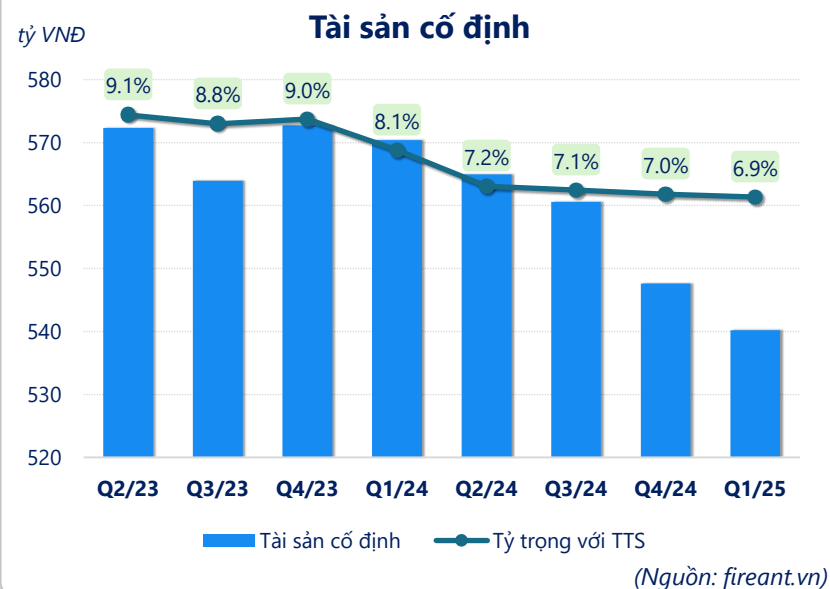
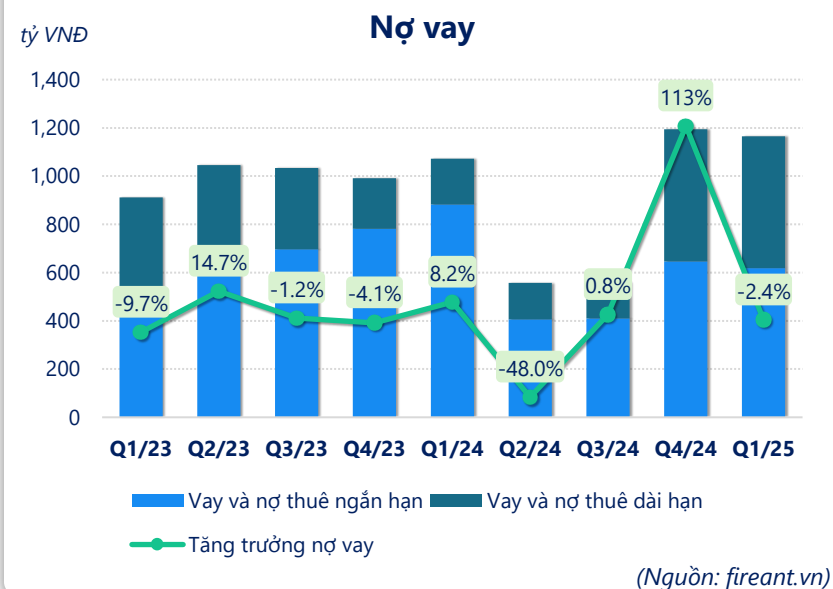
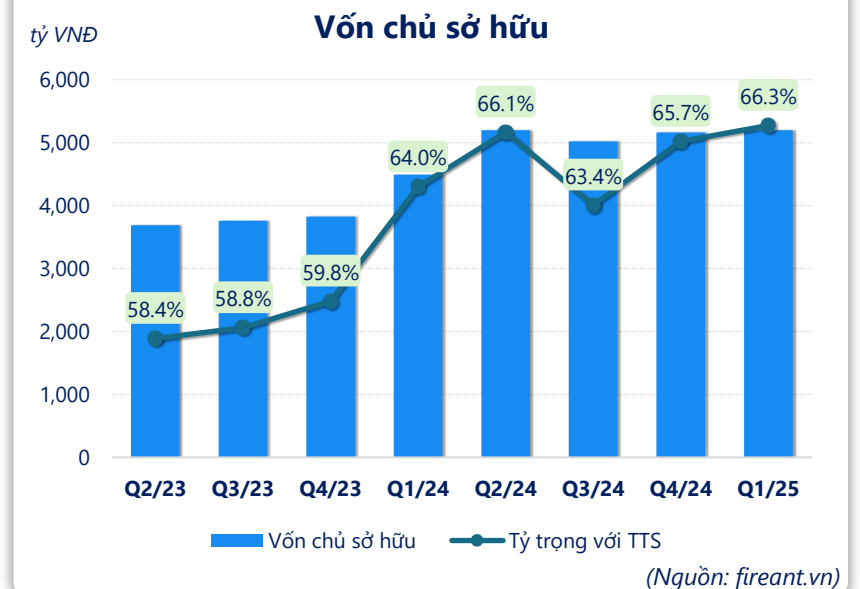
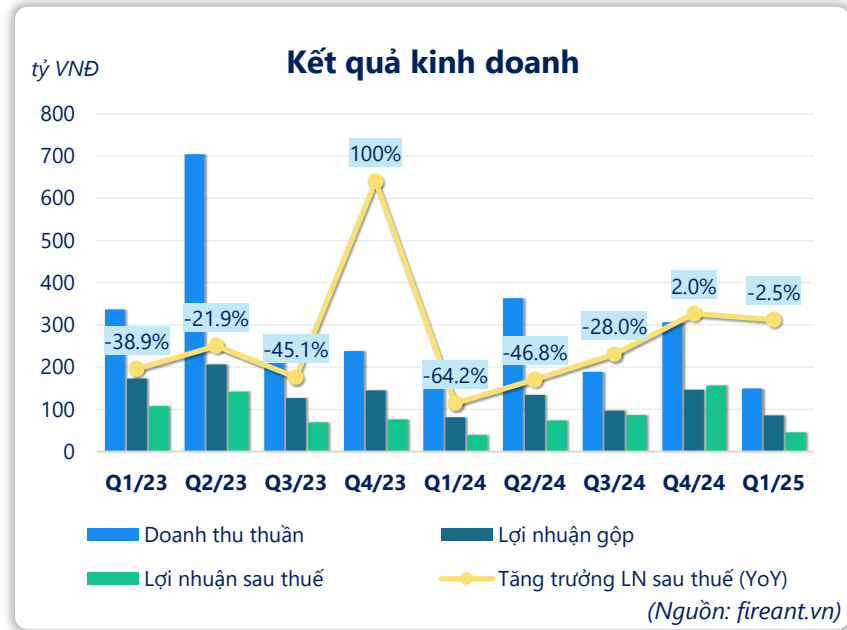
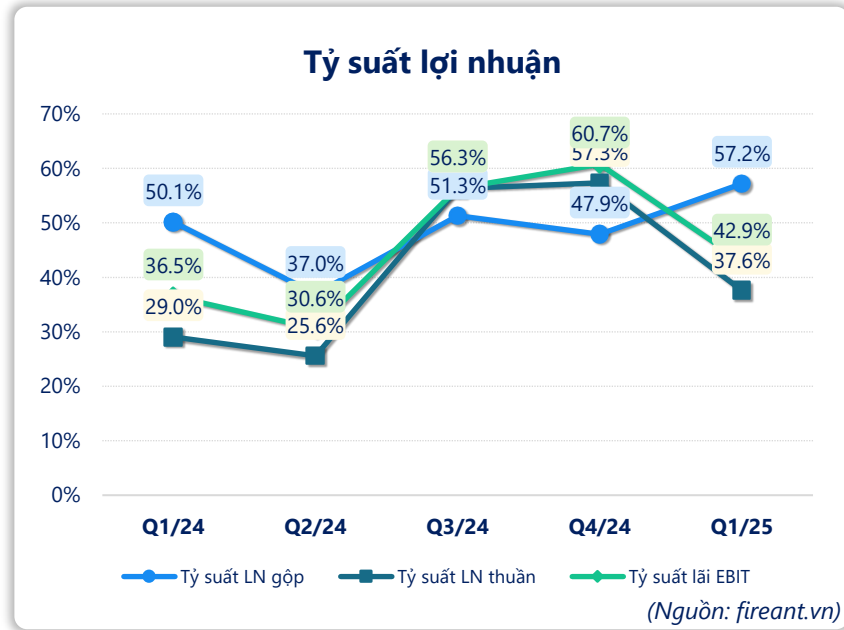
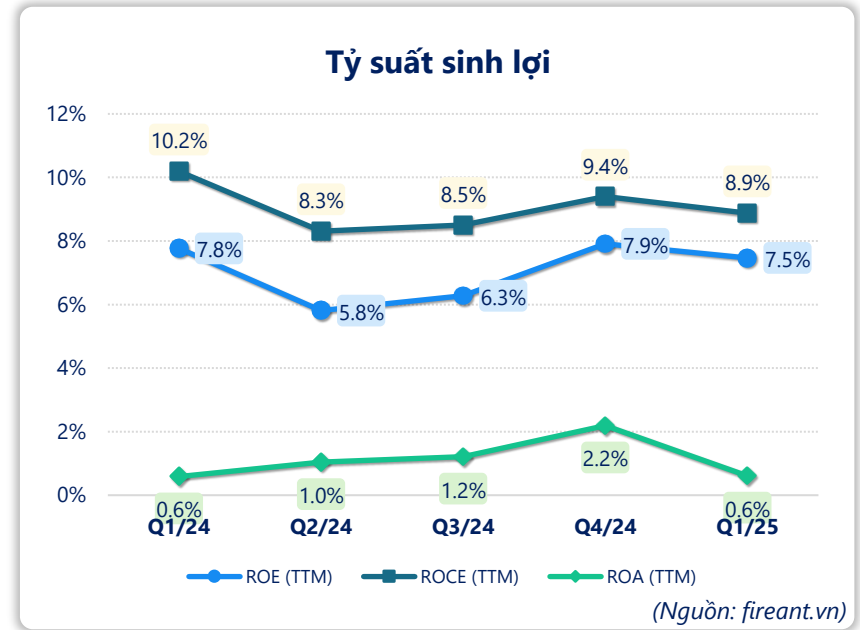
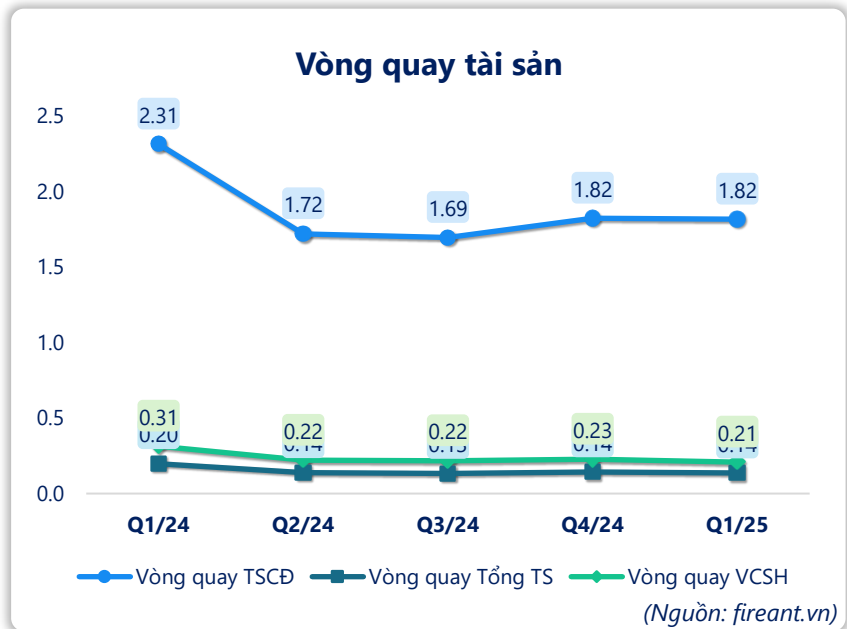
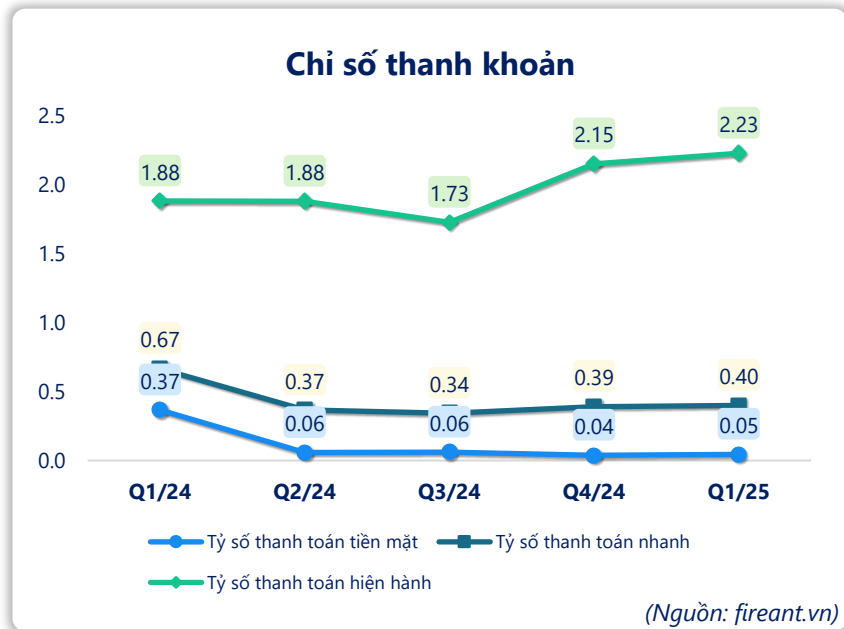
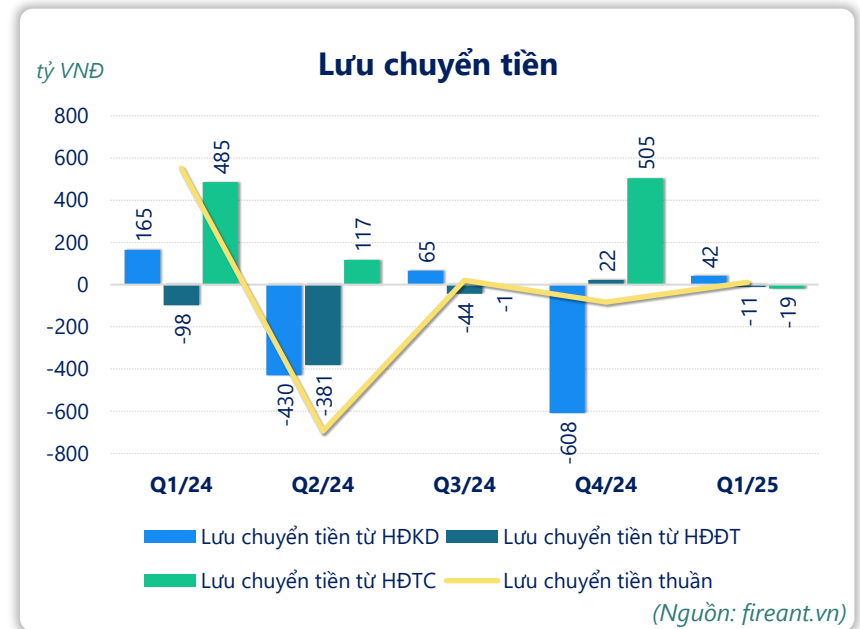


| Thông tin giao dịch     |  | 31/03/2025  |
|-------------------------|--|-------------|
| Giá hiện tại (VNĐ)      |  | 13,850      |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ)  |  | 15,950      |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) |  | 12,694      |
| SL cổ phiếu LH          |  | 377,748,384 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP)   |  | 5,113,085   |
| % sở hữu nước ngoài     |  | 4.9%        |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)    |  |             |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)        |  | 5,232       |
| P/E                     |  | 14.5        |
| EPS                     |  | 957         |

|         | YTD   | 1T    | 3T    | 6T   |
|---------|-------|-------|-------|------|
| IJC     | -1.8% | -4.8% | -1.8% | 0.7% |
| VNINDEX | 2.9%  | -0.4% | 2.7%  | 1.1% |







| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN<br>(tỷ VNĐ) | Tại ngày 31/3/2025 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Thay đổi     |
|-----------------------------|--------------------|------------------------|--------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | <b>7,838</b>       | <b>7,843</b>           | <b>-0.1%</b> |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>4,510</b>       | <b>4,498</b>           | <b>0.3%</b>  |
| Tiền và tương đương tiền    | 91.9               | 79.9                   | 14.9%        |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 5.80               | 16.3                   | -64.4%       |
| Phải thu ngắn hạn           | 638                | 636                    | 0.3%         |
| Hàng tồn kho                | 3,700              | 3,683                  | 0.5%         |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 74.7               | 82.6                   | -9.6%        |
| <b>Tài sản dài hạn</b>      | <b>3,328</b>       | <b>3,345</b>           | <b>-0.5%</b> |
| Phải thu dài hạn            | 754                | 774                    | -2.6%        |
| Tài sản cố định             | 540                | 548                    | -1.4%        |
| Bất động sản đầu tư         | 512                | 515                    | -0.5%        |
| Tài sản dở dang             | 644                | 643                    | 0.3%         |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 847                | 835                    | 1.4%         |
| Tài sản dài hạn khác        | 30.7               | 31.4                   | -2.4%        |
| Lợi thế thương mại          | 0                  | 0                      |              |
| <b>Nợ phải trả</b>          | <b>2,641</b>       | <b>2,691</b>           | <b>-1.9%</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>          | <b>2,024</b>       | <b>2,089</b>           | <b>-3.1%</b> |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 618                | 647                    | -4.4%        |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 696                | 697                    | 0.0%         |
| <b>Nợ dài hạn</b>           | <b>617</b>         | <b>602</b>             | <b>2.5%</b>  |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 547                | 547                    | 0.1%         |
| <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b> | <b>5,197</b>       | <b>5,151</b>           | <b>0.9%</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>       | <b>5,197</b>       | <b>5,151</b>           | <b>0.9%</b>  |
| Vốn điều lệ                 | 3,777              | 3,777                  | 0.0%         |
| <b>Kinh phí và quỹ khác</b> | <b>0</b>           | <b>0</b>               |              |

(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q1/24       | Q2/24       | Q3/24       | Q4/24       | Q1/25       |
|--------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | 162         | 363         | 189         | 306         | 150         |
| Giá vốn hàng bán               | 80.9        | 229         | 92.1        | 160         | 64.0        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>81.3</b> | <b>134</b>  | <b>97.1</b> | <b>147</b>  | <b>85.6</b> |
| Doanh thu HĐTC                 | 0.33        | 1.45        | 1.34        | 1.12        | 0.38        |
| Chi phí TC                     | 9.10        | 17.8        | 7.70        | 20.1        | 9.26        |
| <b>Chi phí lãi vay</b>         | <b>10.2</b> | <b>18.7</b> | <b>7.85</b> | <b>9.75</b> | <b>9.26</b> |
| LN trong công ty LKLD          | 0           | 2.44        | 43.5        | 76.8        | 7.07        |
| Chi phí bán hàng               | 9.49        | 8.74        | 9.92        | 8.70        | 9.43        |
| Chi phí QLDN                   | 15.9        | 18.7        | 17.8        | 20.1        | 18.2        |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>        | <b>47.1</b> | <b>92.9</b> | <b>107</b>  | <b>176</b>  | <b>56.2</b> |
| Lợi nhuận khác                 | 1.90        | -0.46       | -7.77       | 0.68        | -1.25       |
| <b>LN trước thuế</b>           | <b>49.0</b> | <b>92.4</b> | <b>98.8</b> | <b>176</b>  | <b>55.0</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>39.2</b> | <b>73.5</b> | <b>86.6</b> | <b>156</b>  | <b>45.5</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b>      | <b>39.2</b> | <b>73.5</b> | <b>86.6</b> | <b>156</b>  | <b>45.5</b> |

(Nguồn: fireant.vn)

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ<br>(tỷ VNĐ) | Q1/24      | Q2/24       | Q3/24       | Q4/24        | Q1/25       |
|--------------------------------|------------|-------------|-------------|--------------|-------------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD        | 165        | -430        | 65.2        | -608         | 41.8        |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT        | -98.2      | -381        | -43.7       | 21.5         | -11.2       |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC        | 485        | 117         | -1.35       | 505          | -18.7       |
| Tiền đầu kỳ                    | 284        | 836         | 142         | 162          | 79.9        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần</b>   | <b>552</b> | <b>-694</b> | <b>20.1</b> | <b>-82.0</b> | <b>11.9</b> |
| Ảnh hưởng tỷ giá               | 0          | 0           | 0           | 0            | 0           |
| Tiền cuối kỳ                   | 836        | 142         | 162         | 79.9         | 91.9        |

(Nguồn: fireant.vn)